TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 9 - 2025
"V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung, nợ chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Út Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Láng và bà Hoàng Thị Thào

***Thư ký phiên toà*:** Bà Ma Thị Anh Trâm – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 9

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 tham gia phiên toà: Ông Ma Thế Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1992. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn H, sinh năm 1987. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số A Linh Đườngphường H phố H

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn T1 – Giám đốc Phòng C, tỉnh Thái Nguyên; Địa chỉ: thôn Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nông Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (cũ). Thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên, vài năm trở lại đây vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H sử dụng chất ma túy, không tu trí làm ăn để chăm lo cho gia đình. Chị N và

gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H vẫn không thay đổi, kinh tế gia đình ngày càng khó khăn.

Từ năm 2022 đến năm 2025, một phần do anh H không tu chí, một phần do hoàn cảnh kinh tế gia đình nên chị N đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong quá trình lao động xuất khẩu, chị N và anh H ít quan tâm, động viên đến nhau, kể từ khi về nước từ đầu năm 2025 đến nay, chị N chính thức ly thân với anh H và chuyển về ở nhà ngoại tại thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên.

Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn H.

- Về quyền nuôi con chung: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H có 02 con chung là Nông Quốc H1, sinh ngày 28/12/2011 và Nông Quốc K, sinh ngày 29/01/2016; hiện các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi vì từ trước tới nay, chị vẫn luôn là người chăm sóc, nuôi dưỡng, lo cho các con mọi chi phí hằng ngày; anh H sử dụng ma túy, không có thu nhập ổn định nên không bảo đảm điều kiện để nuôi các con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: Chị Nông Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ trả nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định chị và anh H có 02 khoản vay tại ngân hàng C - Phòng C với tổng số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), đến hạn vào ngày 09/4/2026 và ngày 09/4/2027. Chị N yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng nêu trên khi tới hạn do khoản vay trên sử dụng để đầu tư trồng rừng mỡ, nuôi trâu bò sinh sản trong thời kỳ hôn nhân, chị không yêu cầu chia tài sản chung nên anh H là người có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ. Từ khi vay tới nay, chị N là người trả toàn bộ số lãi phát sinh hằng tháng cho ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2025, chị N thay đổi nội dung yêu cầu về nghĩa vụ trả nợ chung: Chị N, anh H, mỗi người người có trách nhiệm trả 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và lãi tương ứng khi tới hạn.

Tại phiên tòa, chị giữ nguyên quan điểm về yêu cầu khởi kiện.

* *Đối với bị đơn – anh Nông Văn H:* Tòa án tiến hành lấy lời khai tại nhà anh H vào ngày 05/8/2025 do anh H không hợp tác đến Tòa án làm việc. Anh H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử lần 1 ngày 08/9/2025 dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa lần 2, anh H có mặt, trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hải đăng K1 kết hôn với chị N từ năm 2011, vợ chồng sống cùng bố mẹ anh H từ đó đến nay. Trong quá trình hôn nhân, anh H nhận thấy hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đầu năm 2025, sau khi chị N đi xuất khẩu lao động về nước thì không về sống cùng gia đình nữa mà chuyển về gia đình nhà ngoại ở xã C, tỉnh Thái Nguyên; Anh H đã nhiều lần thuyết phục chị N vì con để chị N từ bỏ ý định ly hôn và trở về nhà chung sống nhưng không có

kết quả. Anh H xác nhận hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị N xin ly hôn, anh H không nhất trí.

- Về quyền nuôi con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là Nông Quốc H1, sinh ngày 28/12/2011 và Nông Quốc K, sinh ngày 29/01/2016; hiện các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Trường hợp hai vợ chồng không thể ở được với nhau nữa, anh tôn trọng theo sự lựa chọn của các con.

Trường hợp con lựa chọn ở với anh H thì chị N chịu toàn bộ mọi chi phí nuôi dưỡng, ăn học cho các con. Trường hợp con lựa chọn ở với mẹ thì anh H nhất trí.

- Về tài sản chung: Anh Nông Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H xác nhận vợ chồng anh có 02 món nợ chung vay tại Ngân hàng C – Phòng C với tổng số tiền 70.000.000 đồng, tới hạn vào ngày 09/4/2026 và 09/4/2027. Số tiền này anh H đã sử dụng để mua bò sinh sản, hiện nay đã bán hết bò và chi dùng chung cho gia đình. Từ khi vay tới nay, chị N là người trả toàn bộ số lãi phát sinh hằng tháng cho Ngân hàng. Anh H yêu cầu chị N phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ chung là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho ngân hàng khi tới hạn.

* Các con chung Nông Quốc H1, Nông Quốc K có nguyện vọng được ở với mẹ Nông Thị N.

** Kết quả xác minh thể hiện:*

Chị N đi xuất khẩu lao động từ năm 2022 đến đầu năm 2025 thì về nước nhưng không về sống cùng gia đình nhà chồng mà chuyển về nhà ngoại sinh sống từ đó cho đến nay. Trong quá trình chị N đi xuất khẩu lao động thì các con chung chủ yếu do ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng, chi phí nuôi các con ăn, học là do chị N gửi tiền về; anh H có hỗ trợ đưa đón các con đi học. Hằng ngày anh H ở nhà làm các công việc đồng áng, thỉnh thoảng đi làm thuê, thu nhập không đều. Anh H là người bị áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên.

** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C trình bày:*

- Về số tiền nợ: Ngày 09/4/2021, chị Nông Thị N đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng C, tỉnh Thái Nguyên), chương trình cho vay Hộ nghèo theo Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, số tiền vay là: 50.000.000 đồng, mục đích xin vay vốn là "mua bò sinh sản", ngày đến hạn trả nợ cuối 09/4/2026. Dư nợ đến ngày 08/8/2025: Nợ gốc 50.000.000 đồng, lãi tồn: 280.274 đồng.

Ngày 26/5/2022, chị Nông Thị N thực hiện thủ tục thay đổi người đại diện theo ủy quyền sang anh Nông Văn H do đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (thực hiện theo văn bản số 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng C).

Ngày 09/6/2022, anh Nông Văn H đại diện gia đình đứng tên vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng

C, tỉnh Thái Nguyên) chương trình cho vay Hộ nghèo theo Nghị định 78/2002/ND-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, số tiền vay là: 20.000.000 đồng, mục đích xin vay vốn là "trồng và chăm sóc rừng mỡ", ngày đến hạn trả nợ cuối 09/4/2027. Dư nợ đến ngày 08/8/2025: Nợ gốc 20.000.000đồng, lãi tồn 112.110 đồng.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Do các món vay nêu trên đều chưa tới hạn nên Ngân hàng không yêu cầu anh H và chị N phải trả nợ tại thời điểm giải quyết vụ án hôn nhân gia đình mà yêu cầu Tòa án ghi nhận nghĩa vụ trả nợ chung của chị Nông Thị N, anh Nông Văn H.

Nếu chị N và anh Hải ly H2 thì chị N và anh H cùng có trách nhiệm trả nợ. Trường hợp chị N và anh H mỗi người chịu ½ số tiền nợ thì yêu cầu chị N và anh H phải có trách nhiệm trả lãi (của số tiền gốc tương ứng mỗi người là 35.000.000 đồng) đầy đủ cho ngân hàng theo tháng và trả gốc khi đến hạn vào ngày ngày 09/4/2026 và ngày 09/4/2027.

Trường hợp chị N và anh H không thống nhất được nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng C không có yêu cầu độc lập.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng; bị đơn vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải, phiên tòa lần 1 và không chấp hành nội dung các văn bản tố tụng của tòa án nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 27, 37, 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nông Thị N, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn với anh Nông Văn H.

+ Về quyền nuôi con chung: Giao các con chung Nông Quốc H1, sinh ngày 28/12/2011 và Nông Quốc K, sinh ngày 29/01/2016 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Xác định nợ chung vợ chồng là số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh tại Ngân hàng C nên chị N và anh H cùng có trách nhiệm

trả nợ, mỗi người có trách nhiệm trả số tiền gốc 35.000.000 đồng và lãi phát sinh tương ứng khi tới hạn theo hợp đồng.

+ Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (cũ). Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung do anh H sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Từ năm 2022, trong thời gian chị N đi xuất khẩu lao động, hai vợ chồng ít quan tâm đến nhau và chính thức ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nông Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nông Văn H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nông Văn H không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, khẳng định bản thân không nghiện ma túy; tuy nhiên, tài liệu Tòa án thu thập được thể hiện anh Nông Văn H hiện đang bị áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng do nguyên đơn trình bày là có căn cứ, cuộc sống hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Nông Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị N được chấp nhận.

- Về quyền nuôi con chung: Chị Nông Thị N và anh Nông Văn H có 02 con chung là Nông Quốc H1, sinh ngày 28/12/2011 và Nông Quốc K, sinh ngày 29/01/2016; hiện các con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Chị N và anh H đều là lao động tự do, tuy nhiên, trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc các con từ trước đến nay chị N luôn là người chịu trách nhiệm chủ yếu, mọi chi phí nuôi con đều do chị N đảm nhận. Anh H thể hiện quan điểm, nếu vợ chồng không còn ở được với nhau, con ở với ai cũng được nhưng chị N phải là người chịu mọi chi phí nuôi dưỡng các con. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ Nông Thị N.

Căn cứ vào nhân thân, thu nhập, điều kiện của mỗi bên, xét thấy, giao các con chung cho chị Nông Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ bảo đảm hơn về quyền lợi mọi mặt của các con. Vì lẽ đó, căn cứ quy định tại Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Nông Thị N.

- Về nghĩa vụ trả nợ chung: Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ do Ngân hàng C giao nộp; các đương sự đều thống nhất xác định số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Nông Thị N và anh Nông Văn H vay tại Ngân hàng C – qua phòng C 02 món với tổng số tiền là 70.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh, ngày đến hạn trả nợ cuối vào 09/4/2026 và ngày 09/4/2027. Chị N yêu cầu anh H và chị mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tương ứng khi tới hạn theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, 02 khoản vay hình thành trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng để duy trì, phát triển khối tài sản chung và tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình nên chị Nông Thị N và anh Nông Văn H đều phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung cho Ngân hàng theo quy định của Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; anh H yêu cầu chị N có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 70.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Xét quá trình quản lý, sử dụng vốn vay đều do anh H thực hiện để mua bò sinh sản; sau khi bán hết bò, anh H đã chi dùng hết số tiền cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do vậy, cần xác định nghĩa vụ trả nợ chung của chị Nông Thị N và anh Nông Văn H mỗi người phải thanh toán số tiền 35.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh khi tới hạn theo hợp đồng cho Ngân hàng Chính sách Xã hội qua Phòng C, tỉnh Thái Nguyên là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Chị Nông Thị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Nông Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 27, 37, 51, khoản 1 Điều 56, 58, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N được ly hôn với anh Nông Văn H.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao các con chung Nông Quốc H1, sinh ngày 28/12/2011 và Nông Quốc K, sinh ngày 29/01/2016 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nông Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nghĩa vụ trả nợ chung:

- Chị Nông Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C qua Phòng Giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Thái Nguyên số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng khi tới hạn và lãi phát sinh theo hợp đồng.

- Anh Nông Văn H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C qua Phòng Giao dịch Ngân hàng C, tỉnh Thái Nguyên số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng khi tới hạn và lãi phát sinh theo hợp đồng.

4. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000481 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 9;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghiên Loan;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Út Hiền